

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: **106/2020/QĐST-HNGĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÐ, ngày 06 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 109/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1995;

Bị đơn: Anh Hoàng Minh T1, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã TH, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước

Căn cứ vào khoản 5 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T1 ngày 26 tháng 6 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T1 ngày 26 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T1, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Thị T, sinh năm 1995 và anh Hoàng Minh T1, sinh năm 1994; Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã TH, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Dương Thị T và anh Hoàng Minh T1 thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:*

Anh T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Hoàng Minh K,

sinh ngày 23/8/2015 cho đến khi T1 niên (đủ 18 tuổi).

Chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Hoàng Minh K1, sinh ngày 26/9/2018 cho đến khi T1 niên (đủ 18 tuổi).

Chị T, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017313 ngày 19/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BĐ. Hoàn trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí còn dư là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện BĐ;
- THADS huyện BĐ;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kiều My